

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày 18/07/2018

V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Diễn, ông Hoàng Công Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 18/07/2018, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2017/TLST-DS ngày 18/12/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 13/06/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1968; trú tại số 58, đường B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; trú tại thôn H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày:

Chị yêu cầu chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền vay là 80 triệu đồng và tiền lãi kể từ ngày 10/03/2017, âm lịch tức ngày 06/04/2017 dương lịch cho đến ngày xét xử là 15 tháng 12 ngày với lãi suất là 0,75%/tháng = 9.240.000đ. Khi cho vay có giấy biên nhận do chị Nguyễn Thị H ký và nhận tiền, nhưng không ghi lãi trong giấy biên nhận mà lãi chỉ thỏa thuận miệng 0,75%/tháng.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn là chị Nguyễn Thị H, nhưng cho đến phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do, không trình bày, khai báo, hay phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia phiên tòa trong quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 92 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Thị T số tiền 80 triệu đồng chẵn. Bác yêu cầu trả lãi của chị Trịnh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn

Chị Trịnh Thị T đã căn cứ vào giấy biên nhận tiền có chữ ký của chị Nguyễn Thị H để khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền vay là 80 triệu đồng là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: Khi khởi kiện nguyên đơn đã gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ gửi kèm theo đơn khởi kiện, trong đó có giấy biên nhận tiền có chữ ký của chị Nguyễn Thị H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao hợp lệ các văn bản tố tụng là: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa; nhưng cho đến phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H vắng mặt không lý do và cũng không khai báo, trình bày hay phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Thị T số tiền 80 triệu đồng là phù hợp pháp luật.

Ngoài yêu cầu trả nợ tiền vay gốc, thì chị Trịnh Thị T còn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi của số tiền trên, nhưng cho đến phiên tòa chị Trịnh Thị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc cho vay có lãi và trong giấy biên nhận không ghi lãi suất, nên không có căn cứ chấp nhận; bác yêu cầu đòi trả lãi của chị Trịnh Thị T là phù hợp pháp luật.

Việc chị Nguyễn Thị H không có lời trình bày, không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Hội đồng xét xử đã căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2]. Án phí

Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả chị Trịnh Thị T; chị Trịnh Thị T phải chịu tiền án phí đối với số tiền lãi bị bác yêu cầu.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Thị T 80 triệu đồng. Bác yêu cầu của chị Trịnh Thị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả số tiền lãi là 9.240.000đ.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 4.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trịnh Thị T phải chịu 462.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 2.105.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001182 ngày 18/12/2017, của Chi cục thi

hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh; chị Trịnh Thị T được trả lại 1.643.000đ tiền tạm ứng án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Đăng Phong**